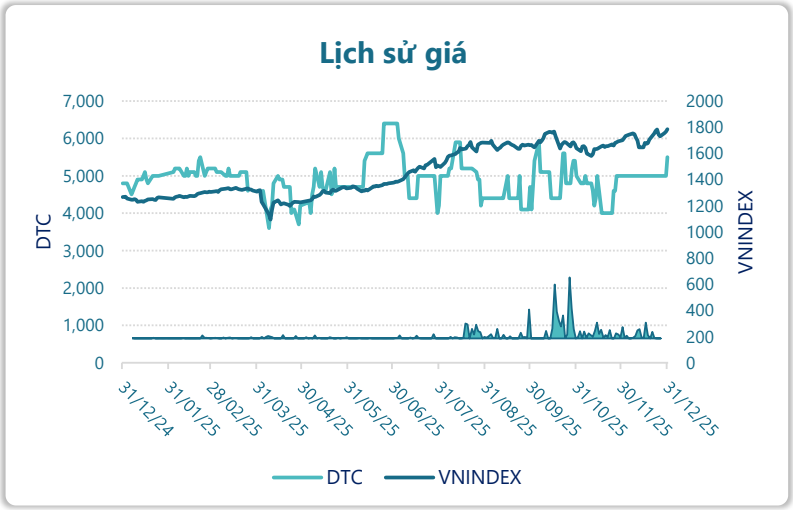
FireAnt

CTCP Viglacera Đông Triều (UPCOM: DTC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	10,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	85
% sở hữu nước ngoài	1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	55
P/E	-2.4
EPS	-2,250

DT thuần

Q4/25

56.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 26.0| 85.9%

YoY: ▲ 16.6| 41.9%

LN sau thuế

Q4/25

-3.71

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.57| 41.0%

YoY: ▲ 3.39| 47.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-7.7%

+/- YoY: ▲ 9.3%

DT thuần

2025

148

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.00| 4.5%

LN sau thuế

2025

-22.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.5| 39.1%

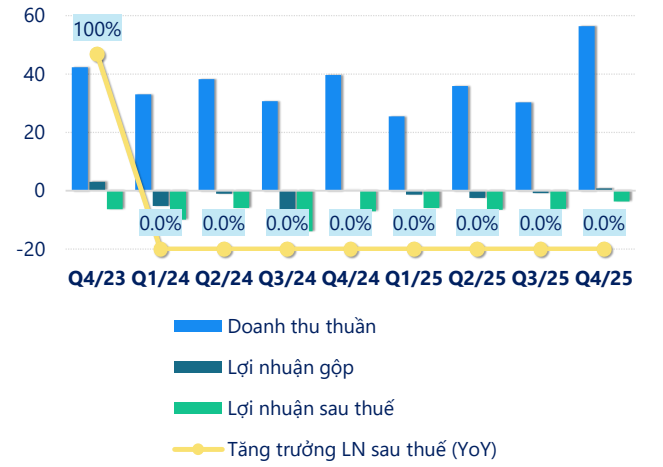
ROE

2025

-1091%

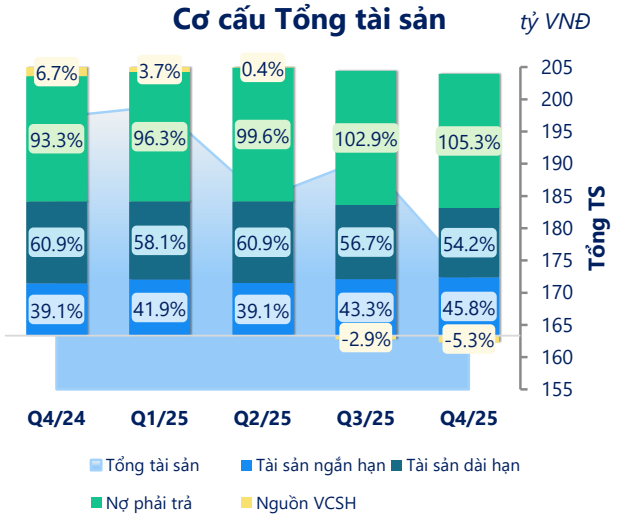
+/- YoY: ▼ 975%

Kết quả kinh doanh



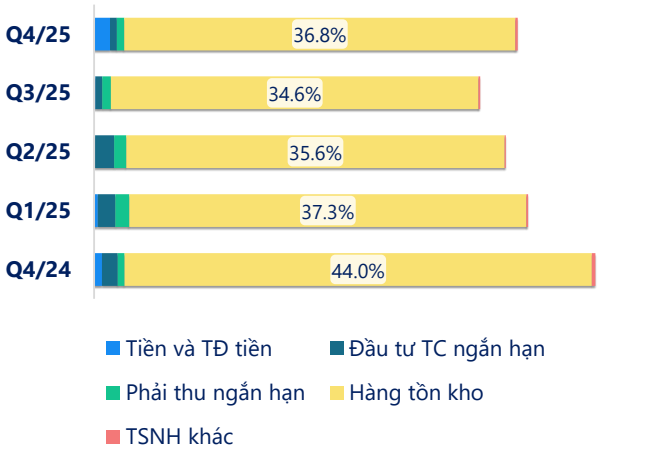
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



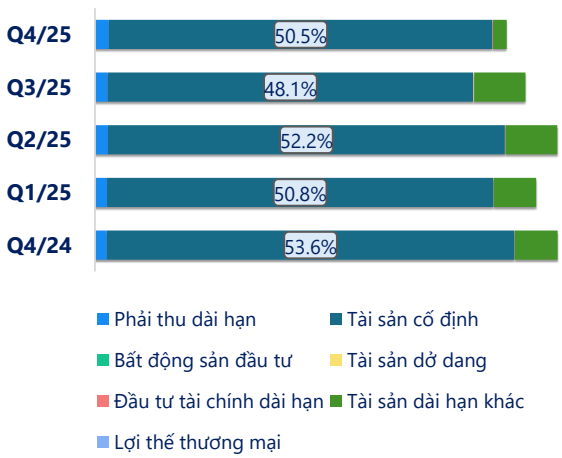
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



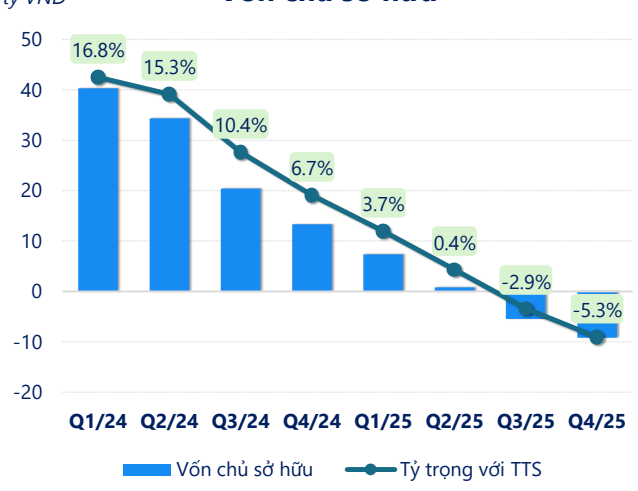
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



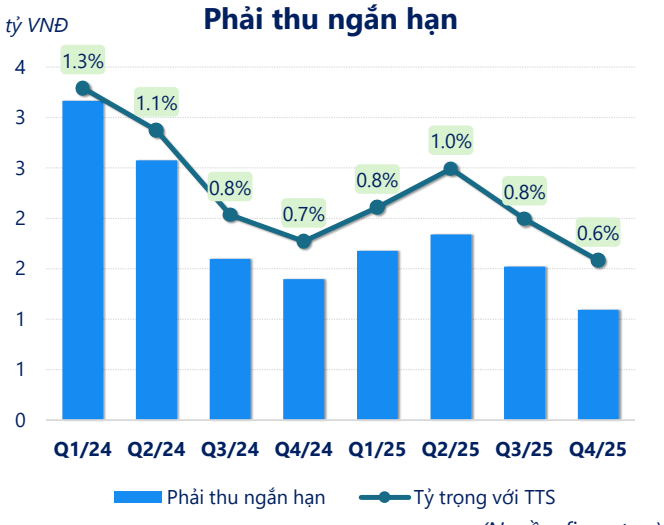
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



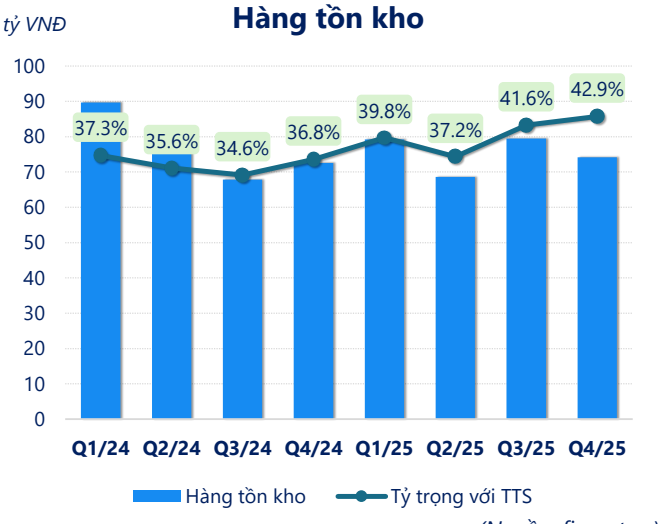
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



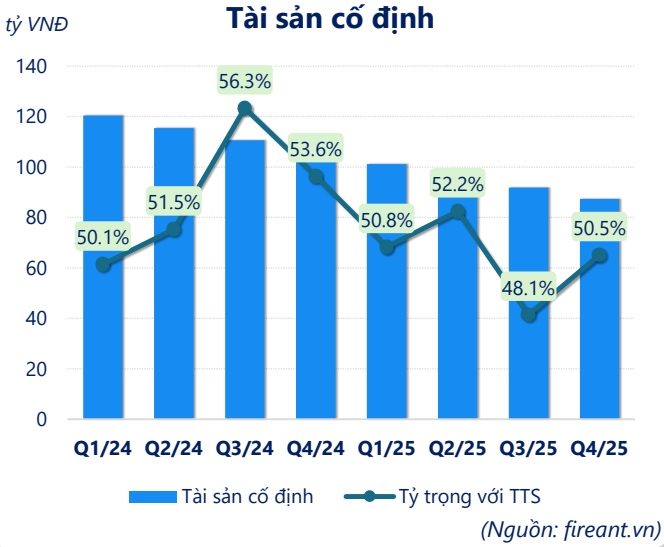
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



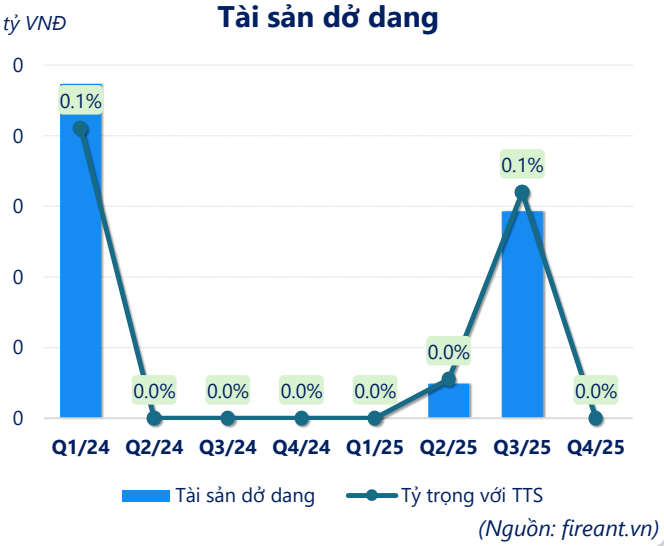
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



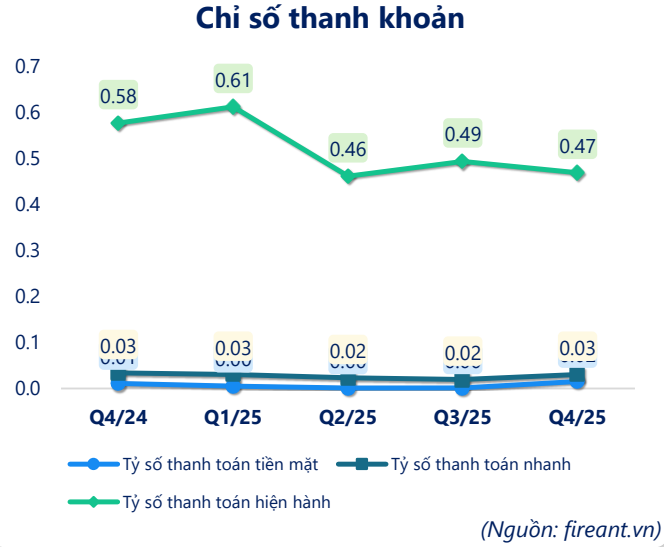
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



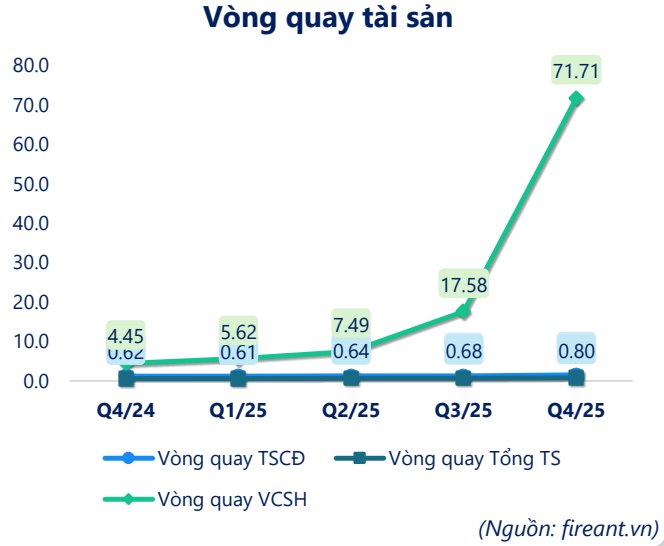
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**197**	**199**	**185**	**191**	**173**
Tài sản ngắn hạn	**77.1**	**83.4**	**72.2**	**82.7**	**79.2**
Tiền và tương đương tiền	1.45	0.68	0.17	0.25	2.57
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.27	1.32	1.32	1.32	1.32
Phải thu ngắn hạn	1.40	1.68	1.84	1.52	1.09
Hàng tồn kho	72.6	79.2	68.6	79.4	74.1
Tài sản ngắn hạn khác	0.42	0.45	0.29	0.19	0.11
Tài sản dài hạn	**120**	**116**	**112**	**108**	**93.7**
Phải thu dài hạn	3.08	3.16	3.16	3.16	3.16
Tài sản cố định	106	101	96.5	91.9	87.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0.02	0.15	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.11	0.11	0.11	0.11	0.11
Tài sản dài hạn khác	11.2	11.2	12.6	12.8	3.09
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**184**	**192**	**184**	**196**	**182**
Nợ ngắn hạn	**134**	**136**	**157**	**168**	**169**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	82.2	82.1	104	101	120
Phải trả người bán ngắn hạn	17.6	21.4	20.2	28.0	21.9
Nợ dài hạn	50.3	55.4	27.3	28.8	13.2
Vay và nợ thuê dài hạn	47.7	49.7	21.3	22.7	7.18
Nguồn vốn chủ sở hữu	**13.3**	**7.34**	**0.80**	**-5.48**	**-9.19**
Vốn chủ sở hữu	**13.3**	**7.34**	**0.80**	**-5.48**	**-9.19**
Vốn điều lệ	100	100	100	100	100
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)